

Số: 07a/BC-VKS

Bắc Giang, ngày 15 tháng 01 năm 2025

**BÁO CÁO**  
**CÔNG KHAI THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN**  
**NSNN 6 THÁNG CUỐI NĂM 2024 CỦA VIỆN KSND TỈNH BẮC GIANG**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính;

Viện KSND tỉnh Bắc Giang công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách nhà nước 6 tháng cuối năm 2024 như sau:

**I. Ngân sách Trung ương:**

**1. Kinh phí được sử dụng trong năm 2024:** 48.863.266.800 đồng.

Trong đó:

- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ: 45.376.137.900 đồng

(Trong đó: Kinh phí được giao đầu năm 2024 là 44.194.100.000 đồng; Kinh phí bổ sung, điều chỉnh năm 2024 là 189.184.900 đồng; Kinh phí năm 2023 chuyển sang năm 2024 là 992.853.000 đồng).

- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: 3.238.328.900 đồng.

- Kinh phí đào tạo: 248.800.000 đồng.

**2. Kinh phí đã sử dụng 6 tháng cuối năm 2024:** 25.159.596.223 đồng đạt 96,02% so với dự toán. Trong đó:

- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ: 23.366.664.323 đồng đạt 51,5% so với dự toán giao năm 2024.

- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: 1.706.876.900 đồng đạt 52,71% so với dự toán giao năm 2024.

- Kinh phí đào tạo: 86.055.000 đồng đạt 34,59% so với dự toán giao năm 2024.

**II. Ngân sách địa phương hỗ trợ:**

- Kinh phí địa phương hỗ trợ năm 2024: 1.063.942.600 đồng.

- Kinh phí địa phương hỗ trợ năm 2024 đã sử dụng 6 tháng cuối năm 2024: 437.571.400 đồng, đạt 41,13% so với kinh phí được giao.

(Kèm theo văn bản này là Phụ lục số liệu chi tiết)

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang báo cáo để Viện kiểm sát nhân dân tối cao biết, chỉ đạo./.

**Nơi nhận:**

- Cục 3 (để b/c);
- Các đ/c Lãnh đạo Viện (để b/c);
- Các đơn vị trực thuộc VKS tỉnh;
- Trang tin điện tử VKS tỉnh;
- Lưu KT, Vth.



**Nguyễn Xuân Hùng**

Bắc Giang, ngày 15 tháng 01 năm 2025

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH  
6 THÁNG CUỐI NĂM 2024**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Viện KSND tỉnh Bắc Giang công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2024 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2024 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>				
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>				
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>				
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>				
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>49.927.209.400</b>	<b>25.597.167.623</b>	<b>51,27%</b>	
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>49.927.209.400</b>	<b>25.597.167.623</b>	<b>51,27%</b>	
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>49.678.409.400</b>	<b>25.511.112.623</b>	<b>51,35%</b>	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	45.376.137.900	23.366.664.323	51,50%	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	3.238.328.900	1.706.876.900	52,71%	
1.3	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (địa phương hỗ trợ)	1.063.942.600	437.571.400	41,13%	
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	<b>248.800.000</b>	<b>86.055.000</b>	<b>35%</b>	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	248.800.000	86.055.000	34,59%	
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2024 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>10</b>	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

Ngày 15 tháng 01 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Xuân Hùng